

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 159/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 06 - 8 - 2026

Về ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Kim Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Liên

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mai Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 330/2026/TLST-HNGĐ ngày 22/4/2026 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/7/2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Hoàng Thị Minh H**, sinh ngày 02/7/1980; Số CCCD: 001180013312; địa chỉ: Địa chỉ: **Số nhà F, ngách C, đường Đ, tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội.**

2. **Bị đơn:** Anh **Đinh Ngọc T**, sinh ngày 06/4/1981; CCCD số 030081009968; Địa chỉ: **Thôn A (trước đây là thôn Đ), xã T, thành phố Hải Phòng.**

*** Người làm chứng:**

1. Ông **Đinh Ngọc T1**, sinh năm 1955 và bà **Hoàng Thị N**, sinh năm 1958; Địa chỉ: **Thôn A, xã T, thành phố Hải Phòng.**

2. Ông **Hoàng Việt T2**, sinh năm 1946; Địa chỉ: **Đ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội.**

Chị **H**, anh **T**, ông **T1**, ông **T2**, bà **N** đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn - chị **Hoàng Thị Minh H** trình bày: Chị và anh **Đinh Ngọc T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân

dân phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội vào ngày 14/12/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh T ở thôn Đ (nay là thôn A), xã T, thành phố Hải Phòng một thời gian rồi lên Hà Nội sống tại nhà chị. Vợ chồng sống hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quan điểm sống khác biệt nên dẫn đến vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bản thân anh T không chịu làm ăn, nợ nần nhiều, thường hay uống rượu say về nhà chửi bới, xúc phạm chị. Chị nhiều lần khuyên giải và cho anh T cơ hội nhưng anh T không chịu thay đổi dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hai bên gia đình cũng nhiều lần khuyên bảo nhưng không có hiệu quả. Từ tháng 3/2026, vợ chồng chính thức sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên chị đề nghị được ly hôn với anh T. Về con chung và tài sản chung: Chị xác định vợ chồng chị không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật nhưng bị đơn - anh Đinh Ngọc T không đến Tòa án làm việc và không gửi văn bản nêu ý kiến quan điểm đối với yêu cầu của nguyên đơn.

- Ông Hoàng Việt T2 là bố đẻ của chị H trình bày: Sau khi kết hôn một thời gian, anh T, chị H chuyển về chung sống tại nhà vợ chồng ông cho chị H. Quá trình chung sống, chị H, anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T hay chơi bời, nợ nần, uống rượu về thì chửi bới chị H. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, anh Trương B về nhà bố mẹ đẻ ở, còn chị H vẫn ở nhà tại Hà Nội. Thỉnh thoảng, anh T vẫn lên tìm chị H để gây sự. Nay chị H xin ly hôn anh T, quan điểm của ông là đề nghị Tòa án sớm giải quyết cho chị H và anh Trương ly H1 để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Ông Đinh Ngọc T1 và bà Hoàng Thị N là bố mẹ đẻ của anh T trình bày: Sau khi kết hôn, anh T đăng ký thường trú và sống cùng với gia đình ông bà, còn chị H đăng ký thường trú và sống ở Hà Nội, chỉ thỉnh thoảng mới về sống cùng với gia đình ông bà. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông bà có hỏi thì chị H bảo do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và cách sống không hợp nhau. Gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay chị H xin ly hôn, ông bà không mong muốn anh T, chị H ly hôn,

nhưng ở được với nhau hay không là quyền vợ chồng tự quyết định. Ông T1, bà N cũng cung cấp: Sau khi ông bà nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T, ông bà đã thông báo và giao lại cho anh T, nhưng anh T nói là bận không đến Tòa án làm việc được, chị H muốn ly hôn thì mặc kệ chị H.

- Ông Hoàng Đăng Q - Trưởng thôn cung cấp: Hiện anh Đinh Ngọc T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ (nay là thôn A), xã T, thành phố Hải Phòng. Về mâu thuẫn giữa chị H và anh Trương T3 không nắm được. Thôn chỉ nắm được là chị H không sống cùng với anh T và gia đình nhà chồng. Đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vắng mặt, có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị Minh H. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H ly hôn anh T. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Bị đơn - anh Đinh Ngọc T đăng ký thường trú tại thôn Đ (nay là thôn A), xã T, thành phố Hải Phòng. Chị Hoàng Thị Minh H khởi kiện xin ly hôn anh T, do vậy đây là vụ án về ly hôn. Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15.

1.2. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đặt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Chị **H** có văn bản đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; anh **T** được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Hoàng Thị Minh H** và anh **Đinh Ngọc T** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại **UBND phường Đ, quận B, thành phố Hà Nội (nay là phường Đ, thành phố Hà Nội)** ngày 14/12/2022. Do vậy, hôn nhân của chị **H** và anh **T** là hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng do tính cách, lối sống không phù hợp, dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau. Gia đình đã khuyên bảo, hòa giải nhưng không được. Từ tháng 3/2026, vợ chồng chính thức sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Mặc dù, Tòa án đã triệu tập anh **T** đến Tòa án nhiều lần, nhưng anh **T** không đến, không gửi văn bản thể hiện ý kiến, thể hiện sự thờ ơ, bỏ mặc tình trạng mâu thuẫn vợ chồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị **H**, anh **T** đến nay không sống chung, yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị **H** xin ly hôn với anh **T**.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **H** là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội khóa 15. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Hoàng Thị Minh H.**

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Hoàng Thị Minh H** ly hôn anh **Đình Ngọc Trương**.

2. Về án phí: Chị **Hoàng Thị Minh H** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị **H** đã nộp theo biên lai thu ký hiệu BLTU/26E số 004805 ngày 22/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **H**, anh **T** vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 09-Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- UBND phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội (ĐKKH số 68/2022 ngày 14/12/2022);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Giang